QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

TS. Phạm Vũ Hà Thanh*

Tại Việt Nam, kinh tế phi chính thức là một bộ phận quan trọng, có đóng góp đáng kể vào giá trị gia tăng và năng suất chung vào nền kinh tế, trong đó các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức tồn tại và hoạt động ở hầu hết các khu vực địa lý và các cấp quản lý hành chính quốc gia tại địa phương. Bên cạnh những đóng góp vào GDP của cả nước, tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, về dài hạn kinh tế phi chính thức có thể làm thất thu nguồn ngân sách, tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn về kinh tế - xã hội. Trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay, hoạt động kinh doanh của các cá nhân/hộ kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển, kéo theo vấn đề quản lý thu thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức là một vấn đề được Chính phủ và cơ quan quản lý thuế đặc biệt quan tâm nhưng còn nhiều hạn chế, cần có giải pháp đồng bộ nhằm truy thu và tránh thất thu ngân sách Nhà nước. Nhận diện những tồn tại và thách thức của nền kinh tế phi chính thức ở nước ta, chuyên đề tập trung trình bày tổng quan về khu vực kinh tế phi chính thức; phân biệt hoạt động kinh tế phi chính thức với hoạt động kinh tế chưa quan sát được; từ đó làm rõ thực trạng quản lý thuế đối với hoạt động kinh tế phi chính thức tại Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị về chính sách quản lý thuế đối với khu vực này trong điều kiện chuyển đổi số tại Việt Nam hiện nay.

• Từ khóa: *Kinh tế phi chính thức, kinh tế phi chính thức trong chuyển đổi số, quản lý thuế.*

• Mã phân loại bài báo: M40, M41, M48

The informal economy is an important part in Vietnam, which has a significant contribution to the added value and overall productivity of the economy; in which informal business entities exist and operate in most of geographical areas and national administrative levels in the locality. Besides making contributions to the country's GDP, generating jobs and incomes for informal labours, the informal economy can lead to a loss of state budget, potential factors causing socio-economy instability in long-terms. In the current period of digital transformation, business activities of individuals/sole traders based on information technology are increasingly developing, leading to the problem of tax administration, is an issue of special concern to the Government and Tax administration agencies, but there are still many limitations and necessary to have synchronous solutions of tax arrears and avoiding loss of state budget. Identifying the shortcomings and challenges of the informal economy in Vietnam, the article focuses on an overview of the informal economy; distinguishing informal economic activity from unobserved economic activity; thereby clarifying the current status of tax administration for informal economic activities in Vietnam and making some recommendations on tax administration policies for this area in the context of digital transformation in Vietnam.

• Keywords: *Informal Economy; Informal economy in digital transformation, tax administration.*

• JEL codes: M40, M41, M48

Ngày nhận bài: 10/7/2023
Ngày gửi phản biện: 15/7/2023
Ngày nhận kết quả phản biện: 20/8/2023
Ngày chấp nhận đăng: 30/8/2023

1. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn

Vào những năm 1970, khái niệm về kinh tế phi chính thức đã được đề cập đến ở hai đầu cực của lục địa Châu Phi: tại Ghana với khái niệm về cơ hội thu nhập phi chính thức (Hart, 1971); và tại Kenya, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO, 1972) đã đưa ra khái niệm "khu vực kinh tế phi chính thức" trong báo cáo về chương trình lao động thế giới. Tuy nhiên cho đến nay chưa có nhiều nghiên cứu được thực hiện ở cả Việt Nam và trên thế giới về khu vực kinh tế phi chính thức; các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào chủ đề về lao động hoạt động trong khu vực kinh tế phi chính thức.

Kraemer-Mbula và Wunsch-Vincent đã tập hợp các nghiên cứu được thực hiện từ năm 2011 nằm trong dự án do các Quốc gia thành viên của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) khởi xướng nhằm đánh giá thực nghiệm các tương tác giữa nền kinh tế phi chính thức với sự đổi mới, tiếp thu tri thức và phát triển tại các quốc gia đang phát triển. Các nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện trong một số lĩnh vực không chính thức như: sản xuất kim loại

* *Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông*

ở Kenya, sản xuất các sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình ở Nam Phi và thuốc thảo dược ở Ghana.

Nguyễn Thái Hoà (2017) đã thực hiện nghiên cứu nhằm ước tính qui mô của nền kinh tế phi chính thức ở Việt Nam, tìm hiểu về các nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của khu vực này và tác động của nó đến thất thoát số thu thuế. Kết quả phân tích cho thấy, có 3 nguyên nhân chính tác động đến sự gia tăng của nền kinh tế phi chính thức: (i) hệ thống luật pháp, chất lượng thể chế và sự minh bạch của chính phủ; (ii) gánh nặng thuế và các khoản đóng góp xã hội và (iii) sự suy giảm của nền kinh tế chính thức. Ngoài ra, các yếu tố khác như tập quán kinh doanh, thói quen tiêu dùng cũng góp phần vào sự lớn lên của khu vực này.

Nguyễn Văn Đoàn (2019) đã khái quát thực trạng kinh tế phi chính thức tại Việt Nam trên góc độ chính sách cũng như thống kê về quy mô và tốc độ phát triển của khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam. Tác giả cũng đưa ra một số các giải pháp khuyến nghị về chính sách đối với khu vực này, tuy nhiên các đề xuất chưa đề cập đến vấn đề quản lý thu thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam.

Từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, thông qua tổng thuật tài liệu nghiên cứu dữ liệu thứ cấp là các văn bản quy phạm pháp luật để khái quát về hoạt động kinh tế phi chính thức và quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam.

2. Những vấn đề chung về kinh tế phi chính thức

2.1. Khái niệm kinh tế phi chính thức

Năm 1993, khái niệm về khu vực kinh tế phi chính thức được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc (UNSD) thống nhất và đưa ra như sau: kinh tế phi chính thức *là tập hợp các đơn vị sản xuất ra sản phẩm vật chất và dịch vụ với mục tiêu chủ yếu nhằm tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Các đơn vị này thường hoạt động với tổ chức quy mô nhỏ, quan hệ lao động chủ yếu dựa trên lao động không thường xuyên, quan hệ họ hàng hoặc quan hệ cá nhân hơn là những quan hệ qua hợp đồng với những đảm bảo chính thức.*

Tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê đưa ra hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình. Theo đó, khu vực phi chính thức được định nghĩa: "Khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất ra sản phẩm (vật chất, dịch vụ) để bán, trao đổi và không phải đăng ký kinh doanh". Phạm vi khu vực phi chính thức bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế, trừ các ngành: (1) Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (2) Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc; (3) Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác.

Dựa vào những quan điểm trên, khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam có thể được hiểu bao gồm những đối tượng sau:

- Các cá nhân/Hộ kinh doanh hoạt động bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, thời vụ, dịch vụ bằng hình thức online hoặc offline có thu nhập thấp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

- Các cá nhân kinh doanh tự do, hộ kinh doanh theo quy định phải đăng ký nhưng không đăng ký kinh doanh; hoạt động những ngành nghề ngoài ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký.

2.2. Đặc điểm khu vực kinh tế phi chính thức

Từ khái niệm cho thấy khu vực kinh tế phi chính thức có các đặc điểm cơ bản của cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể/hộ kinh doanh như sau: (i) Tài sản dung cho sản xuất bao gồm những tài sản cố định và các tài sản khác là tài sản thuộc chủ sở hữu, không thuộc về cơ sở sản xuất, kinh doanh; (ii) Cơ sở sản xuất kinh doanh không đăng ký kinh doanh dẫn đến không thể đứng ra ký kết hợp đồng với các cơ sở/doanh nghiệp khác theo luật định; (iii) Cơ sở sản xuất kinh doanh không thực hiện công tác kế toán đầy đủ, chủ sở hữu phải tự cân đối thu - chi và chịu trách nhiệm vô hạn với các khoản nợ của mình; các chi phí sản xuất không phân biệt được với chi phí sinh hoạt gia đình; (iv) Hoạt động sản xuất kinh doanh không ổn định; điều kiện lao động không đảm bảo, năng suất lao động không cao.

2.3. Kinh tế phi chính thức và Kinh tế chưa quan sát được

Do tính chất, đặc điểm phức tạp của khu vực kinh tế phi chính thức mà một định nghĩa đơn giản không thể bao quát hết. Cho đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa thể có một khái niệm thống nhất về khu vực này trên thế giới, trong đó nhiều nước vẫn đang phổ biến một số tên gọi như: Khu vực phi chính thức (informal sector), kinh tế bóng đen (shadow

economy), kinh tế ngầm (underground economy),... Bên cạnh đó, khái niệm và phạm vi của khu vực kinh tế phi chính thức thường hay bị nhầm lẫn với khu vực kinh tế chưa được quan sát, là những hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đăng ký (Schneider & Enste, 2000); không thể thu thập được trong các nguồn dữ liệu cơ bản nhằm biên soạn tài khoản quốc gia SNA 2008 (Nguyễn Văn Đoàn, 2019). Vì vậy, để nhận diện và hiểu rõ khu vực kinh tế phi chính thức, theo các chuyên gia kinh tế, cần hiểu bản chất của khu vực này là hoạt động kinh tế của một khu vực trái ngược với khu vực kinh tế chính thống, đồng thời khẳng định nó là một bộ phận rất quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Hình 1: Phân biệt khu vực kinh tế phi chính thức và chưa quan sát được

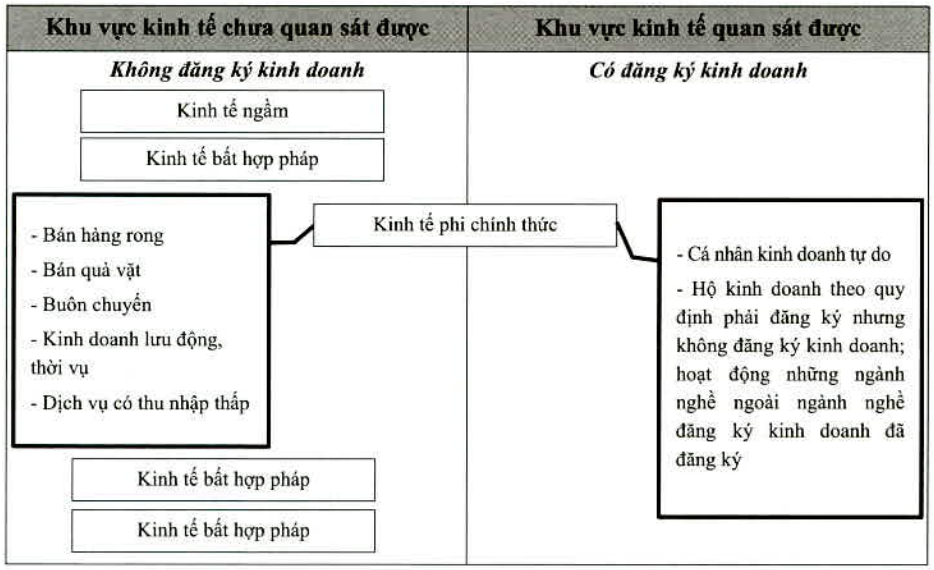

Tại Việt Nam, theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Thống kê Khu vực kinh tế chưa được quan sát" thì phạm vi của khu vực kinh tế chưa được quan sát sẽ bao gồm 5 hoạt động kinh tế sau:

(i) Hoạt động kinh tế ngầm: Là hoạt động kinh tế hợp pháp, nhưng bị giấu một cách có chủ ý nhằm trốn thuế; tránh thực hiện các thủ tục pháp lý, thủ tục hành chính theo yêu cầu quản lý nhà nước và lẩn tránh các trách nhiệm xã hội.

(ii) Hoạt động kinh tế bất hợp pháp: Là hoạt động kinh tế bị pháp luật cấm và các hoạt động kinh tế hợp pháp nhưng hoạt động khi chưa được cấp phép, kinh doanh khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

(iii) Hoạt động kinh tế phi chính thức chưa quan sát được: Là bộ phận kinh tế ngoài hoạt động kinh tế chính thức, chưa được thu thập thông tin thống kê về kết quả sản xuất kinh doanh.

(iv) Hoạt động kinh tế tự sản, tự tiêu của hộ gia đình, cá nhân: Là hoạt động sản xuất của hộ gia đình tạo ra sản phẩm để tiêu dùng và tích lũy cho chính các thành viên của gia đình đó.

(v) Hoạt động kinh tế bị bỏ sót trong các chương trình thu thập dữ liệu thống kê: Là hoạt động kinh tế lẽ ra phải được thu thập thông tin biên soạn các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê khác nhưng bị bỏ sót trong quá trình thu thập thông tin đó.

Do vậy, có thể phân biệt khu vực kinh tế phi chính thức và kinh tế chưa quan sát được, trong đó khu vực kinh tế chưa quan sát được chỉ bao gồm 1 bộ phận chưa quan sát được; không bao quát toàn bộ khu vực kinh tế phi chính thức (Hình 1).

3. Thực trạng quản lý thu thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam

3.1. Thực trạng hoạt động khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam

Ở Việt Nam, số liệu thống kê về quy mô của khu vực kinh tế phi chính thức còn khác nhau và chưa thống nhất về những đóng góp của khu vực này. Báo cáo của một số tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế cũng cho thấy, Việt Nam có khu vực kinh tế phi chính thức rất lớn, nếu tính được giá trị của toàn bộ khu vực này có thể làm cho GDP tăng thêm khoảng 30%. Tổng cục Thống kê (2021) cũng dự tính, quy mô khu vực kinh tế phi chính thức ở khoảng 30% GDP. Các số liệu thống kê về khu vực kinh tế phi chính thức được báo cáo chủ yếu là các chỉ tiêu về lao động trong khu vực phi chính thức. Trong giai đoạn 2016 - 2019 trước khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, bình quân lao động chính thức tăng 5,6%/năm, lao động phi chính thức tăng 3,6%/năm. Tốc độ tăng lao động chính thức cao gấp 1,6 lần tốc độ tăng lao động phi chính thức,

kéo theo tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức giảm dần qua các năm. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã khiến nền kinh tế gặp phải nhiều khó khăn, các doanh nghiệp buộc phải chống đỡ bằng nhiều biện pháp, trong đó có cả các biện pháp tinh giảm lao động như: cắt giảm, nghỉ luân phiên, tuyển dụng lao động thời vụ, lao động tạm thời để duy trì hoạt động. Điều này khiến cho số lao động chính thức giảm và số lao động phi chính thức tăng, theo đó, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức năm 2020 tăng trở lại sau nhiều năm liên tục giảm.

Bảng 1: Thống kê số lao động làm việc trong khu vực phi chính thức

Chỉ tiêu	2019	2020	2021
1. Số lao động trong khu vực phi chính thức (tr.người)	20,18	20,3	33,6
2. Số lao động trong khu vực chính thức (tr.người)	15,82	15,8	#
3. Tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức (%)	56	56,2	68,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021.

Hình 2: Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức theo 21 ngành kinh tế năm 2021

ĐVT: %

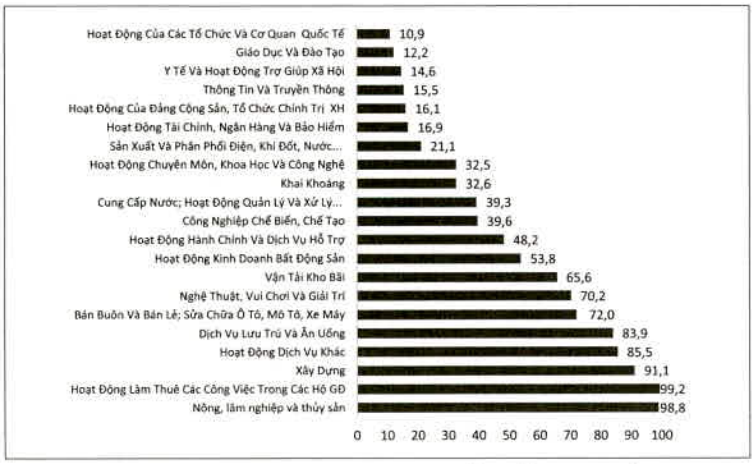

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021.

Hình 3: Thu nhập của người lao động theo vị thế làm việc năm 2021

ĐVT: Nghìn đồng

	Chung	Lao động chính thức	Lao động phi chính thức	Chênh lệch thu nhập
Tổng số	**5 621,1**	**8 159,0**	**4 454,7**	**- 3 704**
Chủ cơ cở	15 476,3	17 984,9	12 675,1	- 5 310
Tự làm	5 596,5	9 576,5	5 164,7	- 4 412
Xã viên HTX	5 833,1	6 465,2	5 688,5	- 777
Làm công hưởng lương	6 475,9	7 550,9	5 316,9	-2 234

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021.

Bên cạnh đó, lao động phi chính thức của Việt Nam không chỉ làm việc trong khu vực phi chính thức mà còn làm việc khá đông trong khu vực chính thức. Trong năm 2021, Việt Nam có gần 6 triệu lao động phi chính thức trong khu vực chính thức, trong đó 47,8% nằm trong hộ sản xuất kinh doanh cá thể và 36,9% là trong các doanh nghiệp tư nhân, đây là vấn đề cần phải được các cơ quan chức năng tiếp tục quan tâm và lưu ý.

Xét về phát triển kinh tế theo khu vực, năm 2021 có đến 42 trong số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ lao động phi chính thức trên 70%, thậm chí nhiều tỉnh còn trên 80% (26 tỉnh).

Về thu nhập, mức thu nhập công việc chính của lao động phi chính thức trong năm 2021 là 4,4 triệu đồng, chỉ bằng một nửa thu nhập của lao động chính thức (8,2 triệu đồng). Gần một nửa (47,0%) số người lao động phi chính thức có mức thu nhập thấp hơn mức lương tối thiểu vùng. Ngoài ra, theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2021, 97,8% lao động phi chính thức không tham gia vào bất kì một loại hình bảo hiểm nào, 35,5% trong số họ là lao động làm công hưởng lương. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ (2,1%) người lao động phi chính thức cho biết họ có tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

3.2. Thực trạng quản lý thu thuế khu vực kinh tế phi chính thức

Theo Niên giám Thống kê tóm tắt năm 2021 của Tổng cục Thống kê, cả nước có khoảng trên 5 triệu cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông nghiệp. Trong đó, có khoảng 77% hoạt động dịch vụ xe ôm, hàng rong, bán lẻ hàng hóa ở chợ cóc… Mặc dù chiếm tới 87,7% tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh và chiếm tới 32% tổng số lao động đang làm việc tại các cơ sở kinh tế, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhưng khu vực kinh tế phi chính thức lại tản mát, rời rạc; đặc biệt đối với hình thức kinh doanh lưu động, bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, làm dịch vụ thu nhập thấp thường có quy mô khá nhỏ. Chính vì vậy, việc quản lý thu thuế đối với các cá nhân/hộ kinh doanh trong khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn.

Hình 4: Thực trạng quản lý thuế đối với cá nhân/HKD phi chính thức tại Việt Nam

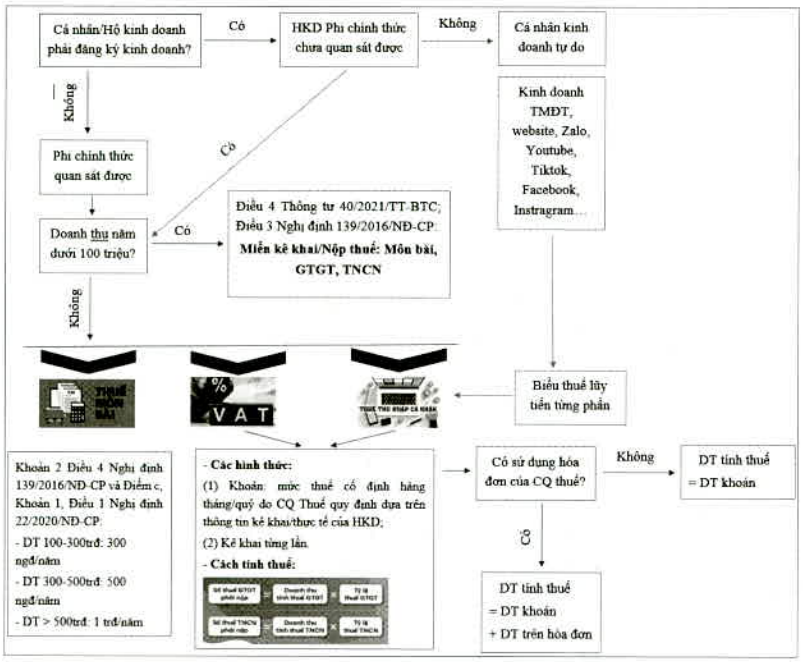

Theo quy định hiện nay, việc quản lý thuế đối với các cá nhân/hộ kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức được thực hiện như Hình 4.

4. Một số bất cập về quản lý thuế khu vực kinh tế phi chính thức trong điều kiện chuyển đổi số tại Việt Nam

Sự phát triển của hoạt động kinh doanh phi chính thức trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin mặc dù mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, nhưng cũng tạo ra những khó khăn nhất định trong quản lý Nhà nước, quản lý thu thuế. Lợi dụng các quy định về quản lý thuế đối với cá nhân/hộ kinh doanh phi chính thức, hầu hết các cá nhân/hộ kinh doanh bán hàng qua mạng internet tìm mọi cách để "lách", tránh nộp thuế, dù cơ quan Thuế đã có nhiều giải pháp quản lý nhằm giảm thất thu ngân sách nhà nước. Những bất cập trong quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức trong điều kiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào kinh doanh có thể chỉ ra như sau:

Một là, các cá nhân/hộ kinh doanh có doanh thu trên 100 trđ/năm thực hiện kê khai thuế theo phương thức khoán hoặc kê khai theo từng lần phát sinh. Việc xác định doanh thu khoán được thực hiện thông qua việc cán bộ Thuế thuộc các Đội thuế Liên phường/xã sẽ khảo sát thực tế địa điểm kinh doanh như: vị trí kinh doanh, kho hàng, chi phí đầu tư ban đầu, nhân công, lượng khách hàng trong một khoảng thời gian... Tuy nhiên trên thực tế, việc khảo sát thực tế địa điểm kinh doanh không có nhiều ý nghĩa và không chính xác đối với trường hợp cá nhân/hộ kinh doanh có kinh doanh trực tuyến... Do đó, xác định doanh thu khoán thường không khảo sát được hoạt động thương mại điện tử (TMĐT).

Hai là, đối với cá nhân kinh doanh, các hình thức thu thuế hiện nay vẫn chủ yếu là cá nhân tự khai, tự tính và tự nộp cho Nhà nước. Việc rà soát, kiểm tra thực tế có hoạt động kinh doanh TMĐT, live stream bán hàng, dựng clip giải trí, giáo dục, biên tập... phụ thuộc lớn vào hoạt động của chính quyền cơ sở từ cấp tổ dân phố, các hiệp hội... dẫn đến khảo sát doanh thu của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh có hoạt động TMĐT thường không hiệu quả. Giao dịch TMĐT, kinh doanh trên mạng xã hội có đặc điểm ảo, dựa trên nền tảng công nghệ, khó kiểm chứng thông tin nhận dạng, dễ dàng xóa bỏ, thay đổi nên tạo sự khó khăn trong việc nắm bắt các giao dịch.

Ba là, một số hoạt động buôn bán quà vặt, kinh doanh lưu động khác cũng đã có những ứng dụng công nghệ nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, trong khi đó hình thức thu tiền chủ yếu là tiền mặt hay sử dụng dịch vụ giao hàng thu tiền hộ (COD), khó quản lý doanh thu thực tế phát sinh.

Bốn là, các đơn vị cho thuê máy chủ chưa hợp tác đầy đủ với cơ quan thuế trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về các đối tác vận hành các website bán hàng khiến cơ quan thuế gặp nhiều khó khăn trong việc thu nhập thông tin. Do vậy, đối với loại hình quảng cáo trực tuyến bằng Google, Facebook, nhiều cá nhân kinh doanh chưa kê khai, nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh của Google và Facebook tại Việt Nam.

Năm là, còn chưa có sự thống nhất về quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh cá thể. Các cá nhân kinh doanh sử dụng nền tảng công nghệ thông tin có phát sinh thu nhập theo quy định sẽ tự kê khai và nộp thuế TNCN theo biểu thuế luỹ tiến từng phần; tuy nhiên đối với hộ kinh doanh cá thể, nếu phát sinh doanh thu trên 100 trđ/năm

sẽ kê khai nộp thuế theo phương thức khoán, tỷ lệ thuế GTGT và TNCN phải nộp cao nhất ở mức 7% doanh thu phát sinh. Điều này khiến cho quyền lợi các chủ thể bị ảnh hưởng, người có thu nhập cao nhưng mức đóng thuế thấp và ngược lại.

5. Một số đề xuất nhằm gia tăng hiệu quả quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức trong điều kiện chuyển đổi số tại Việt Nam

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả đối với hoạt động quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức trong điều kiện chuyển đổi số tại Việt Nam hiện nay, thời gian qua ngành Thuế đã rất nỗ lực tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế đến tất cả người nộp thuế có hoạt động kinh doanh TMĐT trên các thông tin đại chúng nhằm đảm bảo người nộp thuế nắm rõ chính sách thuế để tự thực hiện kê khai, nộp thuế. Bên cạnh đó, từ thực trạng quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức hiện nay, một số gợi ý nhằm gia tăng hiệu quả quản lý thuế được đề xuất như sau:

Thứ nhất, điều chỉnh phương thức thanh tra, kiểm tra hoạt động TMĐT, kinh doanh qua mạng xã hội; nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học của cán bộ thuế, phối hợp sử dụng các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ để truy lần dấu vết giao dịch, kết xuất dữ liệu lịch sử giao dịch làm bằng chứng đấu tranh đối với các hành vi vi phạm của người nộp thuế.

Thứ hai, tăng cường các biện pháp quản lý sát sao, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với quản lý thuế nhà thầu nước ngoài có kinh doanh/phát sinh thu nhập tại Việt Nam. Cơ quan thuế cần phối hợp với các nhà mạng để xác định địa điểm kinh doanh hoặc giao hàng, phối hợp với xã, phường rà soát để đưa các cá nhân/hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh, quảng cáo hàng hóa, dịch vụ qua mạng xã hội, nhất là qua Facebook vào diện quản lý...

Thứ ba, định hướng chung của cơ quan thuế là yêu cầu người kinh doanh trên mạng xã hội, các hình thức kinh doanh buôn bán quà vặt, kinh doanh lưu động có ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp các thông tin như tên, địa chỉ, số điện thoại, sản phẩm kinh doanh, hình thức thu tiền… để có thể kiểm soát chặt chẽ hơn hình thức kinh doanh này.

Thứ tư, đối với các cá nhân/hộ kinh doanh buôn bán quà vặt, kinh doanh lưu động đã có những ứng dụng công nghệ, để hạn chế hình thức thu bằng tiền mặt nhằm quản lý doanh thu phát sinh, cơ quan thuế và các cơ quan quản lý khác cần xây dựng và tổ chức thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính để hạn chế các giao dịch kinh tế liên quan đến khu vực kinh tế chưa được quan sát, bao gồm việc phát triển của các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng thanh toán qua ngân hàng và thúc đẩy sử dụng hóa đơn điện tử.

Thứ năm, cơ quan quản lý, đặc biệt là cơ quan thuế cần hoàn thiện hệ thống pháp luật như đơn giản hoá thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế; đồng thời có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cá nhân/hộ kinh doanh thuộc khu vực kinh tế phi chính thức chuyển đổi sang khu vực doanh nghiệp (kinh tế chính thức).

6. Kết luận

Tại Việt Nam, khu vực kinh tế phi chính thức vẫn đang có xu hướng tăng trong tiến trình tăng trưởng kinh tế và có xu hướng tồn tại phổ biến ở khu vực nông thôn hơn thành thị. Điều này cho thấy khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam vẫn sẽ là một phần không thể tách rời của nền kinh tế trong tương lai. Do đó, các chính sách về quản lý thuế đối với khu vực kinh tế phi chính thức cần phải phù hợp với đặc điểm của hoạt động kinh doanh khu vực này nhằm hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân/hộ kinh doanh cá thể chuyển dịch sang khu vực kinh tế chính thức; đồng thời tránh thất thu ngân sách Nhà nước, phản ánh đúng sự đóng góp của khu vực này đối với sự phát triển kinh tế của quốc gia./.

Tài liệu tham khảo:

Charmes, J. (2012) The Informal Economy: Trends and Characteristics, Margin - The Journal of Applied Economy Research 6:2, 103-132;

ILO (2016), Lao động phi chính thức Việt Nam;

Kraemer-Mbula, E.; Wunsch-Vincent, S. (2016), The Informal Economy in Developing Nations, Hidden Engine or Innovation, Cambridge University Press, UK;

Nguyễn Thái Hoà (2017), Nền kinh tế phi chính thức: Ước tính quy mô và hàm ý về tiềm năng chịu thuế của Việt Nam, Đại học Fulbright Việt Nam;

Nguyễn Văn Đoàn (2019), Thực trạng kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và những khuyến nghị chính sách, Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 02/2019;

Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 4/1/2021 về đăng ký doanh nghiệp;

Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 về hoạt động thương mại một cách độc lập thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh;

Tổng cục Thống kê (2021), Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam, NXB. Thanh niên;

Tổng cục Thống kê, Công văn 1127/TCTK-TKQG ngày 13/9/2019 về Hướng dẫn sử dụng khái niệm khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản, tự tiêu của hộ gia đình;

Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 Hướng dẫn thực hiện Thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh.